

THÔNG BÁO
KẾ HOẠCH CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CÁC CTĐT ĐÃ KIỂM ĐỊNH CHẤT
LƯỢNG NĂM 2019 VÀ NĂM 2020

Thực hiện chủ trương về đẩy mạnh công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Căn cứ các nghị quyết số 25 - 28/NQ-HĐKĐC, ngày 09/9/2019 của Hội đồng KĐCLGD, Trung tâm KĐCLGD Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng CTĐT trình độ đại học các ngành: Kỹ thuật điều khiển & Tự động hóa; Kỹ thuật Địa chất; Quản trị Kinh doanh; Kế toán;

- Căn cứ các Nghị quyết số 13 - 19/NQ-HĐKĐCLV, ngày 09/11/2020 của Hội đồng KĐCLGD, Trung tâm KĐCLGD Trường Đại học Vinh về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng CTĐT trình độ đại học các ngành: Kỹ thuật Mỏ; Kỹ thuật Tuyển khoáng; Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ; Kỹ thuật Dầu khí; Công nghệ thông tin; Kỹ thuật Xây dựng; Kỹ thuật Môi trường;

- Căn cứ Nghị quyết số 104-NQ/ĐU ngày 01/12/2020 Nghị quyết công tác tháng 12 năm 2020 của Đảng ủy Trường Đại học Mỏ -Địa chất;

Nhà trường thông báo tới các Khoa: Cơ Điện, Khoa học & Kỹ thuật Địa chất, Kinh tế & Quản trị kinh doanh, Mỏ, Trắc địa Bản đồ & Quản lý đất đai, Dầu khí, Công nghệ thông tin, Xây dựng, Môi trường và các Phòng/Ban/Trung tâm liên quan bản Kế hoạch cải tiến chất lượng (kèm theo).

Trên cơ sở nghiên cứu kỹ nội dung các khuyến nghị trong Báo cáo đánh giá ngoài CTĐT và bản Kế hoạch cải tiến chất lượng của Nhà trường, yêu cầu các Khoa xây dựng và hoàn thành báo cáo Kế hoạch cải tiến chất lượng sau ĐGN CTĐT theo Thông báo số 540/TB-MĐC (Mục 2.) ngày 20/10/2020.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị liên hệ trực tiếp với lãnh đạo Phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục và qua địa chỉ email dambaochatluong@humg.edu.vn.

Nơi nhận: *Tham*

- Các đơn vị (để th/hiện hoặc ph/hợp);
- BGH (để theo dõi, chỉ đạo);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu: HCTH, ĐBCL.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



GS. TS. Bùi Xuân Nam

KẾ HOẠCH CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐÃ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

(kèm theo Thông báo số 20 /TB-MĐC ngày 11 /01/2021)

TT	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	- Xây dựng và hoàn thành báo cáo Kế hoạch cải tiến chất lượng sau ĐGN CTĐT; - 04 CTĐT đã kiểm định chất lượng các tháng 06,07/2019 và 07 CTĐT kiểm định chất lượng các tháng 08,09/2020 cần tham khảo và hoàn thiện Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT sau ĐGN theo Thông báo số 540/TB-MĐC (Mục 2.) ngày 20/10/2020.	11 CTĐT (Khoa, Bộ môn chủ quản); các đơn vị liên quan	30/01/2021	Phòng ĐBCL sẽ cung cấp đủ biểu mẫu cho 04 CTĐT (2019)
1.	Mục tiêu và CĐR của CTĐT			
1.1.	Mô tả rõ hơn mục tiêu trang bị kỹ năng nghề nghiệp người học, năng lực tự học và học tập suốt đời, năng lực nghiên cứu khoa học, năng lực hướng dẫn truyền bá và phổ biến kiến thức của người học vào trong mục tiêu cụ thể của CTĐT	Các CTĐT	01/2021 – 06/2021	
1.2.	Rà soát điều chỉnh CĐR theo hướng chỉnh sửa những cụm từ chưa chuẩn xác, bổ sung chuẩn về “kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp tự tạo việc làm cho mình và cho người khác” để phù hợp hơn với CĐR của trình độ đại học theo Khung trình độ Quốc gia. Rà soát, điều chỉnh CĐR theo hướng áp dụng cách tiếp cận khoa học (Bloom, SMART,...) trong quá trình viết CĐR để đảm bảo CĐR ngắn gọn, rõ ràng, đo lường và đánh giá được. Rà soát lại, chuẩn hoá các CĐR của CTĐT, nâng cao mức độ yêu cầu của CĐR CTĐT để thể hiện mục tiêu đào tạo nhân lực có chất lượng cao; sử dụng các động từ đơn; diễn đạt lại để đảm bảo các CĐR được thiết kế và có thể đo lường mức độ đạt được dựa trên khung tham chiếu phù hợp, đặc biệt là các CĐR về kỹ năng và thái độ. Lưu ý đến CĐR thể hiện mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp. Rà soát, bổ sung mục vị trí việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ vào nội dung của CĐR (hiện đang để trong phần mục tiêu của CTĐT).	Các CTĐT	01/2021 – 06/2021	
1.3.	Tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý đào tạo và các GV về kỹ năng thiết kế CTĐT, kỹ năng xây dựng CĐR của CTĐT và CĐR của các học phần.	Phòng ĐTDH Phòng ĐBCL	03/2021 – 04/2021	
1.4.	Khi điều chỉnh CĐR của CTĐT, cần huy động hiệu quả hơn sự tham gia của các bên liên quan, nhất là của nhà sử dụng lao động. Chú ý tham khảo chiến lược phát triển của ngành do Chính phủ ban hành (nếu có), chiến lược phát triển kinh tế xã hội của các địa phương có liên quan (nếu có).	Các CTĐT	01/2021 – 06/2021	

TT	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	- Xây dựng và hoàn thành báo cáo Kế hoạch cải tiến chất lượng sau ĐGN CTĐT; - 04 CTĐT đã kiểm định chất lượng các tháng 06,07/2019 và 07 CTĐT kiểm định chất lượng các tháng 08,09/2020 cần tham khảo và hoàn thiện Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT sau ĐGN theo Thông báo số 540/TB-MĐC (Mục 2.) ngày 20/10/2020.	11 CTĐT (Khoa, Bộ môn chủ quản); các đơn vị liên quan	30/01/2021	Phòng ĐBCL sẽ cung cấp đủ biểu mẫu cho 04 CTĐT (2019)
	Cần tiên lượng nhu cầu của xã hội trong 05, 10 năm tới nếu không sản phẩm đào tạo ra sẽ không đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.			
1.5.	Tổ chức Hội nghị nhà tuyển dụng nhằm tranh thủ ý kiến để điều chỉnh mục tiêu đào tạo, CDR của CTĐT cho phù hợp và phản ánh chính xác nhu cầu của thị trường lao động.	Các CTĐT Phòng QHCC-DN	01/2021 – 12/2021	Có kế hoạch hằng năm
2.	Bản mô tả CTĐT			
2.1.	Rà soát, hoàn chỉnh để ban hành lại bản mô tả CTĐT đảm bảo tính pháp lý và đầy đủ nội dung theo quy định của Bộ GD&ĐT. Hoàn thiện và ban hành bản mô tả CTĐT trong đó có kèm theo đề cương của tất cả các học phần trong CTĐT theo như hướng dẫn tại công văn số 1669/QLCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT.	Các CTĐT Phòng ĐTDH	01/2021 – 06/2021	
2.2.	Điều chỉnh lại khung CTĐT cho khoa học hơn theo hướng số học phần để tự chọn không quá nhiều so với học phần được tự chọn.	Phòng ĐTDH Các CTĐT	01/2021 – 06/2022	
2.3.	Rà soát, hoàn thiện đề cương của tất cả các học phần có trong CTĐT đảm bảo có đầy đủ nội dung theo hướng dẫn tại công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT.	Các CTĐT Phòng ĐTDH	01/2021 – 06/2021	
2.4.	Để đảm bảo tính pháp lý của CTĐT, cần ra quyết định ban hành đề cương chi tiết học phần tương ứng với CTĐT đã được ban hành và đây là cơ sở quan trọng để các đơn vị, GV và SV thực hiện.	Phòng ĐTDH	06/2021	
2.5.	Công bố bản mô tả CTĐT, CDR của CTĐT lên trang chủ của trang thông tin điện tử của Trường để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận (nhất là với các thí sinh trong các kỳ thi tuyển chọn vào ngành học). Các hình thức truyền thông về CTĐT, đề cương học phần cần được đa dạng hoá như sử dụng facebook, zalo, twister với các đối tượng được lựa chọn phù hợp.	Các CTĐT Phòng ĐTDH	02/2021 – 06/2021	Cập nhật, dễ dàng tham thảo trên website
3.	Cấu trúc và nội dung CTDH			
3.1.	Rà soát lại tên của các học phần trong CTĐT để đảm bảo tính khoa học cao của CTĐT.	Các CTĐT Phòng ĐTDH	01/2021 – 06/2022	

TT	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	- Xây dựng và hoàn thành báo cáo Kế hoạch cải tiến chất lượng sau ĐGN CTĐT; - 04 CTĐT đã kiểm định chất lượng các tháng 06,07/2019 và 07 CTĐT kiểm định chất lượng các tháng 08,09/2020 cần tham khảo và hoàn thiện Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT sau ĐGN theo Thông báo số 540/TB-MĐC (Mục 2.) ngày 20/10/2020.	11 CTĐT (Khoa, Bộ môn chủ quản); các đơn vị liên quan	30/01/2021	Phòng ĐBCL sẽ cung cấp đủ biểu mẫu cho 04 CTĐT (2019)
	Cần mô tả đầy đủ hơn về PPGD và PP KTĐG tổng quát của CTĐT và bổ sung phần mô tả về về nguồn lực để thực hiện CTĐT nhất là điều kiện về phòng thí nghiệm, thực hành, thiết bị dạy và học. Cần chú ý hơn đến việc thiết kế phương pháp tổ chức dạy và học để đạt được CĐR về kỹ năng nghề nghiệp cũng như các CĐR về kỹ năng mềm. Rà soát, xác định sự đóng góp của tất cả các học phần vào thực hiện CĐR của CTĐT một cách chính xác hơn. Rà soát, điều chỉnh đề cương học phần của các học phần trong CTĐT theo hướng “lượng hóa” các CĐR vào các học phần để làm rõ hơn nữa mức độ đóng góp của mỗi học phần vào thực hiện CĐR			
3.2.	Định kỳ cần lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về nội dung của các học phần để kịp thời điều chỉnh cập nhật tiến bộ của khoa học kỹ thuật và đáp ứng tốt nhất nhu cầu của thị trường lao động.	Các CTĐT Phòng ĐBCL	Theo đợt	
3.3.	Khi rà soát điều chỉnh CTDH, cần cải tiến để nâng cao chất lượng công tác khảo sát ý kiến của các bên liên quan và tham khảo nhiều hơn CTĐT tiên tiến của các trường đại học nước ngoài để chất lượng CTDH đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các bên liên quan.	Các CTĐT Phòng ĐBCL	Định kỳ	2 năm/lần
3.4.	Xem xét bổ sung mô tả cũng như hệ thống lại cấu trúc các học phần đồ án trải nghiệm thiết kế-triển khai, xem xét tích hợp các kỹ năng trong các đồ án này (vận dụng mô hình CDIO). Xây dựng hệ thống các rubrics đánh giá trong các đồ án thiết kế-triển khai nhằm đánh giá chính xác năng lực của người học về khả năng thiết kế, giao tiếp, làm việc nhóm.	Phòng ĐTĐH Các CTĐT		
3.5.	Xem xét điều chỉnh kế hoạch đào tạo, bố trí giảng dạy một số học phần cơ sở ngành vào các học kỳ của năm thứ nhất để tăng sự hiểu biết và sự đam mê ngành nghề của SV ngay từ năm đầu.	Các CTĐT Phòng ĐTĐH	01/2021 – 06/2021	
3.6.	Tổ chức các buổi trao đổi về phương pháp học tập đại học cho SV nhất là cho SV năm thứ nhất để SV sớm thích nghi với phương pháp giảng dạy của thầy cô.	Các CTĐT Phòng ĐTĐH	01/2021 – 03/2021	Tháng 10 và tháng 3 hằng năm
4.	Phương pháp tiếp cận trong dạy và học			

TT	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	- Xây dựng và hoàn thành báo cáo Kế hoạch cải tiến chất lượng sau ĐGN CTĐT; - 04 CTĐT đã kiểm định chất lượng các tháng 06,07/2019 và 07 CTĐT kiểm định chất lượng các tháng 08,09/2020 cần tham khảo và hoàn thiện Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT sau ĐGN theo Thông báo số 540/TB-MĐC (Mục 2.) ngày 20/10/2020.	11 CTĐT (Khoa, Bộ môn chủ quản); các đơn vị liên quan	30/01/2021	Phòng ĐBCL sẽ cung cấp đủ biểu mẫu cho 04 CTĐT (2019)
4.1.	Trong Chiến lược phát triển Trường giai đoạn mới cần bổ sung mục tiêu giáo dục của Nhà trường để các bên liên quan tiếp cận dễ dàng hơn.	Phòng HCTH (Hội đồng trường)	01/2021 – 06/2021	
4.2.	Quan tâm hơn đến công tác truyền thông về triết lý giáo dục đến các bên liên quan; giải thích đầy đủ hơn nội hàm của triết lý giáo dục để cán bộ, GV và SV của trường/Khoa hiểu rõ và vận dụng trong việc thiết kế CTĐT, xây dựng phương pháp dạy-học, NCKH và phục vụ cộng đồng.	Phòng CTCT-SV Phòng QHCC-DN Các CTĐT	01/2021 – 06/2021	
4.3.	Có hướng dẫn về lựa chọn các hoạt động dạy học phù hợp để đạt được CĐR; quan tâm hơn nữa đến hoạt động đổi mới phương pháp dạy học, nhất là sự tương thích giữa phương pháp giảng dạy và phương pháp học tập để có hiệu quả cao nhất. Đa dạng các hình thức tổ chức dạy và học, phát triển hình thức học tập trải nghiệm (Service Learning). Tích cực ứng dụng CNTT trong dạy-học. Tăng cường hợp tác với các trường đại học để đẩy mạnh hoạt động trao đổi GV và SV.	Phòng ĐTDH Các CTĐT	01/2021 – 08/2021	
4.4.	Cần chi tiết phương pháp giảng dạy và học tập của từng chương mục trong đề cương học phần. Nên tăng cường giao các bài tập lớn cho SV (ý kiến của người học). Hoàn thiện, bổ sung CĐR của HP trong đề cương chi tiết và mô tả rõ việc sử dụng tổ hợp các phương pháp giảng dạy/học tập nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. Mỗi GV cần quan tâm hơn đến đổi mới phương pháp giảng dạy, coi trọng việc rèn luyện kỹ năng và phương pháp tiếp cận, vận dụng và phát triển kiến thức.	Các CTĐT (Khoa/Bộ môn)	01/2021 – 06/2021	
5.	Đánh giá kết quả học tập của người học			
5.1.	Ban hành hướng dẫn đầy đủ về thiết kế các phương pháp KTĐG phù hợp với mục đích, yêu cầu đánh giá mức độ đạt được của các CĐR, nhất là đối với chuẩn về kỹ năng và chuẩn về mức độ tự chủ, trách nhiệm.	Phòng ĐBCL	01/2021 – 03/2021	
5.2.	Thiết kế hệ thống các hình thức đánh giá cũng như các bài đánh giá trong đó thể hiện rõ mối quan hệ giữa các nội dung đánh giá (các câu hỏi, tiêu chí đánh giá) với CĐR của chương trình hoặc mục tiêu (CĐR) của môn học.	Phòng ĐBCL Phòng ĐTDH Các CTĐT	01/2021 – 06/2022	

TT	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	- Xây dựng và hoàn thành báo cáo Kế hoạch cải tiến chất lượng sau ĐGN CTĐT; - 04 CTĐT đã kiểm định chất lượng các tháng 06,07/2019 và 07 CTĐT kiểm định chất lượng các tháng 08,09/2020 cần tham khảo và hoàn thiện Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT sau ĐGN theo Thông báo số 540/TB-MĐC (Mục 2.) ngày 20/10/2020.	11 CTĐT (Khoa, Bộ môn chủ quản); các đơn vị liên quan	30/01/2021	Phòng ĐBCL sẽ cung cấp đủ biểu mẫu cho 04 CTĐT (2019)
	Đánh giá các kỹ năng mềm của người học như kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm cần được đánh giá thông qua hệ thống các rubrics; Cần xây dựng công cụ quy đổi, thống kê nhằm thể hiện mối tương quan giữa kết quả học tập của người học với mức độ đạt CDR.			
5.3.	Đa dạng hơn hình thức KTĐG, phát triển hình thức vấn đáp, báo cáo thuyết trình... Định kỳ cần phân tích kết quả học tập của SV để có sự đối sánh, đánh giá mức độ chính xác và độ tin cậy của phương pháp KTĐG. Định kỳ tổ chức hội nghị tổng kết, đánh giá mức độ phù hợp của tất cả các phương pháp KTĐG đã sử dụng để đo lường mức độ đạt được các CDR.	Phòng ĐBCL Các CTĐT	Định kỳ	Theo học kỳ/năm học
5.4.	Hoàn thiện và ban hành một văn bản đầy đủ về công tác thi và kiểm tra trên cơ sở tích hợp các văn bản có liên quan đến KTĐG đã ban hành như quy chế đào tạo, quy trình khảo thí, hướng dẫn xây dựng ngân hàng câu hỏi đề thi-đáp án... Rà soát phương pháp KTĐG của tất cả các học phần theo hướng tường minh, định lượng hơn và phù hợp với quy định của Nhà trường.	Phòng ĐBCL	01/2021 – 06/2021	
5.5.	Quy định về phúc khảo bài thi cần được mô tả rõ hơn về quy trình chấm phúc khảo (như cán bộ chấm thi phải khác với cán bộ chấm lần đầu, điều kiện được điều chỉnh điểm sau phúc khảo, nếu có sự thay đổi điểm phải tổ chức đối thoại giữa cán bộ chấm lần đầu và cán bộ chấm thi lần sau, việc xử lý trách nhiệm với những GV chấm thi có sai sót...).	Phòng ĐBCL Các CTĐT	01/2021 – 03/2021	
5.6.	Để công tác đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của phương pháp KTĐG cũng như của đề thi, cần bổ sung modul phân tích kết quả thi trong phần mềm quản lý đào tạo. Nhờ phần mềm, GV có thể phân tích được kết quả học tập của lớp SV do mình phụ trách. Cuối mỗi học kỳ, các đơn vị cần phân tích kết quả học tập của SV, có đối sánh với các khoá trước và đối sánh với các hình thức KTĐG khác để đánh giá độ tin cậy, chính xác của phương pháp và của đề thi kiểm tra.	Phòng ĐTĐH Các CTĐT Phòng ĐBCL	01/2021 – 12/2021	
5.7.	Huy động nguồn kinh phí để nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT, hệ thống đường truyền, máy chủ, phần mềm đủ mạnh để cho công tác quản lý ĐT, công bố và truy cập kết	Trung tâm TT-TV Phòng CSV	01/2021 – 06/2021	

TT	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	- Xây dựng và hoàn thành báo cáo Kế hoạch cải tiến chất lượng sau ĐGN CTĐT; - 04 CTĐT đã kiểm định chất lượng các tháng 06,07/2019 và 07 CTĐT kiểm định chất lượng các tháng 08,09/2020 cần tham khảo và hoàn thiện Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT sau ĐGN theo Thông báo số 540/TB-MĐC (Mục 2.) ngày 20/10/2020.	11 CTĐT (Khoa, Bộ môn chủ quản); các đơn vị liên quan	30/01/2021	Phòng ĐBCL sẽ cung cấp đủ biểu mẫu cho 04 CTĐT (2019)
	quả học tập được thuận lợi. Trong trường hợp SV có yêu cầu, nên cho SV xem đáp án đề thi và bản photocopy bài thi của SV.	Phòng ĐBCL Các CTĐT		
6.	Đội ngũ GV, nghiên cứu viên			
6.1.	Trên cơ sở rà soát, đánh giá việc thực hiện Chiến lược phát triển của Trường ĐHMĐC giai đoạn 2008 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Nhà trường nên hoàn thiện và ban hành Chiến lược phát triển của Trường ĐHMĐC giai đoạn mới; Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Trường trong giai đoạn mới; đồng thời điều chỉnh Quy hoạch và kế hoạch tuyển dụng cán bộ, viên chức cho phù hợp làm căn cứ để các đơn vị/Khoa trong toàn Trường xây dựng Chiến lược/kế hoạch chiến lược, đề án vị trí việc làm của đơn vị mình và trình Hiệu trưởng phê duyệt, đảm bảo tính pháp lý khi triển khai thực hiện.	Phòng HCTH Phòng TCCB (Hội đồng trường)	01/2021 – 06/2021	
6.2.	Thường xuyên khảo sát nhu cầu hoạt động ĐT, NCKH và PVCD để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, có chính sách thu hút đội ngũ GV đáp ứng tiêu chí tuyển dụng để thay thế kịp thời những GV về hưu, chuyển công tác; đồng thời có chế độ đãi ngộ, khuyến khích GV để họ yên tâm công tác hạn chế việc xin chuyển công tác.	Phòng TCCB Các CTĐT	Định kỳ	(Tháng 5 hàng năm)
6.3.	Có kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi của CBQL, GV về việc giám sát khối lượng và chất lượng giảng dạy công việc được giao của GV; kết quả thực hiện khối lượng và chất lượng giảng dạy của GV để có kế hoạch cải tiến đảm bảo cho GV thực hiện tốt khối lượng và chất lượng công việc của mình.	Phòng TCCB	Định kỳ	(Tháng 5 hàng năm)
6.4.	Có giải pháp, chính sách tích hợp thể mạnh của mỗi GV trong bộ môn/khoa để tạo ra động lực mới trong GD, NCKH để không chỉ phát triển chuyên môn sâu, mà phát triển cả chuyên môn liên ngành, giao thoa liên ngành.	Phòng TCCB Các CTĐT	01/2021 – 12/2021	
6.5.	Rà soát các quy định, hướng dẫn liên quan đến việc cử viên chức và người lao động đi học tập, nghiên cứu, công tác và bồi dưỡng để bổ sung những chính sách khuyến khích, hỗ trợ kinh phí cho CB, GV, NV đi học tập, đào tạo, bồi dưỡng.	Phòng TCCB Các CTĐT	01/2021 – 12/2021	
6.6.	Thiết kế mẫu kế hoạch nhiệm vụ năm học của GV để thống nhất thực hiện trong toàn Trường.	Phòng TCCB	01/2021 – 06/2021	

TT	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	- Xây dựng và hoàn thành báo cáo Kế hoạch cải tiến chất lượng sau ĐGN CTĐT; - 04 CTĐT đã kiểm định chất lượng các tháng 06,07/2019 và 07 CTĐT kiểm định chất lượng các tháng 08,09/2020 cần tham khảo và hoàn thiện Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT sau ĐGN theo Thông báo số 540/TB-MĐC (Mục 2.) ngày 20/10/2020.	11 CTĐT (Khoa, Bộ môn chủ quản); các đơn vị liên quan	30/01/2021	Phòng ĐBCL sẽ cung cấp đủ biểu mẫu cho 04 CTĐT (2019)
6.7.	Phân tích kết quả NCKH, nhu cầu của thực tiễn và những định hướng có tính đột phá; thúc đẩy sự phát triển của nhóm các NC mạnh trong 3-5 năm tới, những định hướng cho 5-10 năm tới, những định hướng đột phá giải quyết bài toán thực tế ở VN. Khoa/Bộ môn cần gắn kết với thị trường KHCN hơn nữa để có nhiều đề tài từ các Bộ, Ngành và địa phương	Phòng KHCN Các CTĐT	01/2021 – 12/2021	
7.	Đội ngũ nhân viên			
7.1.	Ban hành quy định/hướng dẫn về việc lấy ý kiến đánh giá, phản hồi của các bên liên quan (cấp trên, đồng nghiệp, nhà sử dụng lao động, người học,...) về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên.	Phòng TCCB	01/2021 – 06/2021	
7.2.	Tiếp tục đánh giá, rà soát vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên của khối phòng/ban/trung tâm/trạm và các khoa đào tạo, trên cơ sở đó hướng dẫn các đơn vị xây dựng, bổ sung, điều chỉnh “Vị trí việc làm” phù hợp với sự phát triển Trường.	Phòng TCCB	01/2021 – 12/2021	
7.3.	Rà soát chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị hành chính làm cơ sở xem xét, điều chỉnh, bổ sung các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; ban hành Sổ tay nhân viên, giúp nhân viên nắm được các quy định/quy trình/hướng dẫn để thực hiện nhiệm vụ nhằm đạt được kết quả cao hơn.	Phòng TCCB	01/2021 – 12/2021	
7.4.	Nhà trường/Khoa cần xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng dựa trên việc khảo sát; Khoa cần phát huy hiệu quả quyền tự chủ đề xuất về nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên.	Phòng TCCB Các CTĐT	Định kỳ	
7.5.	Định kỳ tổ chức khảo sát sự hài lòng của đội ngũ nhân viên về kết quả đánh giá và kết quả thi đua, khen thưởng để từ đó có thêm căn cứ cho việc điều chỉnh, bổ sung các tiêu chí thi đua, khen thưởng đối với nhân viên.	Phòng TCCB	Định kỳ	
8.	Người học và hoạt động hỗ trợ người học			
8.1.	Vận dụng hiệu quả hơn mô hình quản trị hợp tác trong tuyển sinh, cần lấy ý kiến rộng rãi các bên liên quan về chính sách tuyển sinh (Cán bộ quản lý nhà trường, phòng ĐTDH, NH, CBQL trường THPT, GV phổ thông).	Phòng QHCC-DN Phòng ĐTDH Các CTĐT	01/2021 – 03/2021	Triển khai hằng năm

TT	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	- Xây dựng và hoàn thành báo cáo Kế hoạch cải tiến chất lượng sau ĐGN CTĐT; - 04 CTĐT đã kiểm định chất lượng các tháng 06,07/2019 và 07 CTĐT kiểm định chất lượng các tháng 08,09/2020 cần tham khảo và hoàn thiện Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT sau ĐGN theo Thông báo số 540/TB-MĐC (Mục 2.) ngày 20/10/2020.	11 CTĐT (Khoa, Bộ môn chủ quản); các đơn vị liên quan	30/01/2021	Phòng ĐBCL sẽ cung cấp đủ biểu mẫu cho 04 CTĐT (2019)
	Trước mỗi kỳ tuyển sinh cho năm học mới, khoa cần tiến hành phân tích dự báo nhu cầu nguồn nhân lực, đồng thời tổ chức cuộc họp giữa các bên liên quan (các phòng ban liên quan, người học, CB, GV,...) lấy ý kiến để xây dựng và bổ sung chính sách tuyển sinh cho năm học kế tiếp theo đúng các quy định hiện hành và đáp ứng đúng yêu cầu của khoa/ ngành học. Ngoài việc tăng cường quảng bá ngành học bá trên website, facebook, video clip. Cần tăng cường cơ hội quảng bá các ngành nghề đào tạo của nhà trường và mở rộng quan hệ với các đơn vị bên ngoài thông qua các hoạt động NCKH, chuyên giao công nghệ, Hội thảo. Triển khai mạnh chuỗi các hoạt động truyền thông giới thiệu về ngành học tại các cơ sở giáo dục (nhất là các trường THPT trên địa bàn) triển khai định kỳ Ngày hội tuyển sinh của Nhà trường một cách hiệu quả trong đó nêu rõ các chính sách cơ hội học bổng để thu hút SV tiềm năng. Tăng cường việc khảo sát lấy ý kiến rộng rãi các bên liên quan định kì, đầy đủ làm cơ sở cho việc rà soát, đánh giá khi xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học. Sử dụng kết quả phân tích ý kiến của các bên liên quan làm cơ sở rà soát, điều chỉnh bổ sung để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào trường. Đồng thời, có lộ trình cụ thể nhằm thu hút SV có chất lượng cao vào học tại trường.			
8.2.	Xây dựng quy trình phối hợp chặt chẽ giữa công tác giáo viên chủ nhiệm, CVHT của khoa và bộ môn với cha mẹ SV trong việc theo dõi quá trình học tập và rèn luyện của SV. Đồng thời, khoa/bộ môn thông qua GVCN và CVHT chủ động phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể, phòng CTCTSV, phòng ĐTDH và gia đình SV cùng các cơ quan có liên quan trên địa bàn để tổ chức thực hiện tốt quá trình học tập và rèn luyện của SV. Hàng năm có các báo cáo và phản hồi về kết quả, tiến độ học tập và rèn luyện của SV để gia đình phối hợp cùng nhà trường cùng theo dõi SV.	Các CTĐT	01/2021 – 06/2021	

TT	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	- Xây dựng và hoàn thành báo cáo Kế hoạch cải tiến chất lượng sau ĐGN CTĐT; - 04 CTĐT đã kiểm định chất lượng các tháng 06,07/2019 và 07 CTĐT kiểm định chất lượng các tháng 08,09/2020 cần tham khảo và hoàn thiện Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT sau ĐGN theo Thông báo số 540/TB-MĐC (Mục 2.) ngày 20/10/2020.	11 CTĐT (Khoa, Bộ môn chủ quản); các đơn vị liên quan	30/01/2021	Phòng ĐBCL sẽ cung cấp đủ biểu mẫu cho 04 CTĐT (2019)
8.3.	Thường xuyên đánh giá hiệu quả các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và hỗ trợ việc làm, tăng cường các HĐ hỗ trợ SV khởi nghiệp, tạo dựng môi trường/không khí học thuật trong SV, chú trọng tổ chức thường niên các cuộc thi sáng tạo, NCKH.	Các CTĐT Phòng CTCT-SV Đoàn TNCS HCM Hội SV	Định kỳ	Hàng năm
8.4.	Xây dựng quy trình/quy định về cơ chế phối hợp một cách hệ thống giữa Khoa với Phòng Công tác chính trị-sinh viên, Trung tâm dịch vụ, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh một mặt tiếp tục duy trì và phát triển hoạt động tư vấn hỗ trợ học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác. Một mặt đánh giá và cải tiến các hoạt động này trên cơ sở khảo sát lấy ý kiến người học hàng năm để NH cải thiện KQHT, đạt được các CDR của CTĐT và đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.	Các CTĐT Phòng CTCT-SV Đoàn TNCS HCM Trung tâm Dịch vụ Phòng ĐBCL	01/2021 – 06/2021	
8.5.	Tăng cường các buổi đi thực tế hơn cho các sinh viên theo từng đợt, từng kì trong khóa học, để SV nhanh thích ứng với môi trường làm việc công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tăng cường ký kết hợp đồng với các doanh nghiệp để sinh viên ra trường sớm có việc làm. Tăng cường các buổi giao lưu giữa sinh viên với các doanh nghiệp để sinh viên được học hỏi nhiều về kiến thức kỹ năng thực tế cũng như giao tiếp.	Các CTĐT Phòng QHCC-DN	Kế hoạch	Thường xuyên
8.6.	Khoa/bộ môn cần có hướng dẫn cụ thể và ban hành quy định về công tác văn thư lưu trữ để có thể quản lý tốt hệ thống văn bản của nhà trường đồng thời chi tiết hoá các văn bản cho phù hợp với chỉ đạo của Khoa/bộ môn đối với từng CTĐT.	Các CTĐT	01/2021 – 03/2021	
8.7.	Kết hợp, tương tác thường xuyên với đơn vị sử dụng lao động; lắng nghe, tiếp nhận nhu cầu thực tiễn của các doanh nghiệp để thay đổi chương trình đào tạo (trên cơ sở chương trình khung) và chia sẻ các kiến thức, kỹ năng cần thiết cho SV chuyên ngành và các yêu cầu tuyển dụng trong bối cảnh hội nhập cho phù hợp thực tiễn nhu cầu doanh nghiệp.	Các CTĐT	Định kỳ	
9.	Cơ sở vật chất và trang thiết bị			

TT	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	- Xây dựng và hoàn thành báo cáo Kế hoạch cải tiến chất lượng sau ĐGN CTĐT; - 04 CTĐT đã kiểm định chất lượng các tháng 06,07/2019 và 07 CTĐT kiểm định chất lượng các tháng 08,09/2020 cần tham khảo và hoàn thiện Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT sau ĐGN theo Thông báo số 540/TB-MĐC (Mục 2.) ngày 20/10/2020.	11 CTĐT (Khoa, Bộ môn chủ quản); các đơn vị liên quan	30/01/2021	Phòng ĐBCL sẽ cung cấp đủ biểu mẫu cho 04 CTĐT (2019)
9.1.	Định kỳ triển khai hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học và CBGV về hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm.	Phòng ĐBCL	Hằng năm	
9.2.	Có kế hoạch sửa chữa, bố trí sắp xếp phòng làm việc cho Trưởng BM.	Phòng CSVC	01/2021 – 12/2021	
9.3.	Có kế hoạch và tăng cường hợp tác với các thư viện của các tổ chức giáo dục trong và ngoài nước có ngành đào tạo liên quan đến học liệu của CTĐT.	Trung tâm TT-TV Các CTĐT	01/2021 – 12/2021	
9.4.	Lập danh mục các thiết bị thường xuyên phải thay thế, bổ sung, sửa chữa để có kế hoạch chuẩn bị nguồn vật tư tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giảng dạy thực hành.	Phòng CSVC	01/2021 – 12/2021	Hằng năm
9.5.	Có kế hoạch đầu tư và bổ sung, thay thế hệ thống thiết bị công nghệ thông tin đã quá thời hạn sử dụng nhằm hỗ trợ tích cực hoạt động đào tạo, NCKH chung của Bộ môn/Khoa và Nhà trường.	Phòng CSVC	01/2021 – 12/2021	Hằng năm
9.6.	Quan tâm đến hệ thống đi lại, an toàn cho người khuyết tật, đồng thời cần có kế hoạch, biện pháp tăng cường công tác vệ sinh môi trường và trật tự nội vụ KTX khu A.	Phòng CSVC Trung tâm Dịch vụ	01/2021 – 09/2021	
10.	Nâng cao chất lượng			
10.1.	Nhà trường cần chú trọng nâng cao số lượng và chất lượng thông tin phản hồi, đa dạng hóa cách thu thập thông tin phản hồi để đáp ứng tốt hơn mục tiêu khảo sát nhằm thiết kế và phát triển CTDH, trong đó chú trọng vào những vấn đề của CTDH.	Phòng ĐBCL Các CTĐT	Định kỳ	Hằng năm
10.2.	Nhà trường cần tiếp tục rà soát đánh giá tổng thể các văn bản quy định và hướng dẫn về quy trình thiết kế và phát triển CTDH, cập nhật hướng phát triển CTĐT và CTDH của Trường để hoàn thiện quy định, tạo thuận lợi cho các khoa triển khai thực hiện và quản lý việc phát triển CTĐT. Nhà trường cần rà soát và cải tiến các văn bản hướng dẫn xây dựng CTDH để có đầy đủ cơ sở khoa học cho việc lựa chọn nội dung và phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV nhằm đảm bảo đạt được CĐR.	Phòng ĐTDH Các CTĐT	01/2021 – 06/2022	2 năm/lần

TT	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	- Xây dựng và hoàn thành báo cáo Kế hoạch cải tiến chất lượng sau ĐGN CTĐT; - 04 CTĐT đã kiểm định chất lượng các tháng 06,07/2019 và 07 CTĐT kiểm định chất lượng các tháng 08,09/2020 cần tham khảo và hoàn thiện Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT sau ĐGN theo Thông báo số 540/TB-MĐC (Mục 2.) ngày 20/10/2020.	11 CTĐT (Khoa, Bộ môn chủ quản); các đơn vị liên quan	30/01/2021	Phòng ĐBCL sẽ cung cấp đủ biểu mẫu cho 04 CTĐT (2019)
10.3.	Khoa và các Bộ môn cần tăng cường việc đánh giá sự tương thích và phù hợp với CDR của các hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá để có biện pháp cải tiến chất lượng một cách hiệu quả.	Các CTĐT	Kế hoạch	Theo học kỳ/năm học
10.4.	Nhà trường nên dành kinh phí để thực hiện một số đề tài cấp cơ sở có liên quan đến khoa học giáo dục để góp phần nâng cao chất lượng dạy và học.	Phòng KHCN	01/2021 – 06/2021	Tiếp tục hằng năm
10.5.	Tiếp tục tăng cường đầu tư trang thiết bị thí nghiệm và hạ tầng CNTT đáp ứng tốt hơn yêu cầu dạy học và NCKH, cải thiện CSVC cho các hoạt động ngoài giờ của SV.	Phòng CSVC	01/2021 – 12/2021	
10.6.	Tăng cường hiệu quả công tác ĐBCL bên trong, chú trọng việc chủ động, tích cực đánh giá và cải tiến chất lượng các hoạt động hỗ trợ và cơ sở vật chất, tăng cường sự hỗ trợ của các doanh nghiệp đối với phục vụ đào tạo của ngành nhằm nâng cao năng lực thực tiễn của SV.	Các CTĐT	01/2021 – 12/2021	Tiếp tục hằng năm
10.7.	Nhà trường cần có đánh giá tổng thể cơ chế phản hồi từ các bên liên quan (sự đầy đủ về nội dung và đối tượng phản hồi, đa dạng về hình thức phản hồi, tính thuận lợi, cơ chế đáp ứng phản hồi...) đối với mọi mặt hoạt động của Trường nói chung và của mỗi CTĐT nói riêng.	Phòng ĐBCL	01/2021 – 12/2021	Tiếp tục hằng năm
10.8.	Hoàn thiện và ban hành Sổ tay ĐBCL.	Phòng ĐBCL	01/2021 – 07/2021	
10.9.	Tăng cường vai trò Hội cựu SV CTĐT và tăng số lượng NTD được khảo sát ý kiến của ngành đào tạo để thu thập nhiều thông tin hữu ích cho việc cải tiến chất lượng CTĐT.	Các CTĐT	01/2021 – 12/2021	Duy trì thường xuyên
11.	Kết quả đầu ra			
11.1.	Đổi mới và mở rộng việc đối sánh nội bộ trong Trường và với các CTĐT ở các trường khác bằng cách phân tích đầy đủ nguyên nhân của sự khác biệt để từ đó lựa chọn cách thực hành tốt nhất, đề xuất các sáng kiến để cải tiến CL ngăn chặn mức giảm tỷ lệ tốt nghiệp gia tăng tỷ lệ thôi học (nếu có).	Phòng ĐTDH Các CTĐT	01/2021 – 12/2021	Tiếp tục hằng năm
11.2.	Có các Báo cáo đánh giá hiệu quả của các giải pháp hỗ trợ, báo cáo mối quan hệ giữa thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ thôi học, bỏ học để dự đoán xu thế về thời gian tốt nghiệp trung bình của NH và có các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp.	Các CTĐT	01/2021 – 12/2021	Tiếp tục hằng năm

TT	Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	- Xây dựng và hoàn thành báo cáo Kế hoạch cải tiến chất lượng sau ĐGN CTĐT; - 04 CTĐT đã kiểm định chất lượng các tháng 06,07/2019 và 07 CTĐT kiểm định chất lượng các tháng 08,09/2020 cần tham khảo và hoàn thiện Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT sau ĐGN theo Thông báo số 540/TB-MĐC (Mục 2.) ngày 20/10/2020.	11 CTĐT (Khoa, Bộ môn chủ quản); các đơn vị liên quan	30/01/2021	Phòng ĐBCL sẽ cung cấp đủ biểu mẫu cho 04 CTĐT (2019)
11.3.	Tiến hành đối sánh tỷ lệ SV có việc làm và việc làm đúng ngành nghề đào tạo với các ngành đào tạo tương đương ngoài Trường để tìm hiểu, phân tích được nguyên nhân và đề xuất được giải pháp cụ thể.	Các CTĐT Phòng ĐBCL	01/2021 – 12/2021	Tiếp tục hằng năm
11.4.	Nhà trường cần một mặt GD lòng yêu nghề và ý thức vượt khó, say mê với ngành nghề đã chọn; mặt khác, cần nâng cấp các câu hỏi khảo sát nhằm điều chỉnh CĐR và CTDH để cá thể hóa việc học tập những năm cuối đáp ứng nhu cầu chuyển đổi nghề nghiệp của một số khá đông người tốt nghiệp.	Các CTĐT Phòng ĐBCL	01/2021 – 12/2021	Tiếp tục hằng năm
11.5.	Nhà trường cần tách các dữ liệu về nguồn thu/chi tài chính dành cho các hoạt động NCKH của NH. Cần tăng đầu tư cho hoạt động NCKH SV đạt được tỷ lệ 3% tổng thu học phí theo quy định tại Nghị định 99 của Chính phủ.	Phòng KHTC Phòng KHCN	01/2021 – 12/2021	Tiếp tục hằng năm
11.6.	Nhà trường cần đáp ứng đề xuất về việc thành lập các nhóm nghiên cứu SV triển vọng được nêu trong các báo cáo tổng kết 3 năm học về công tác NCKH SV.	Phòng KHCN Các CTĐT	01/2021 – 06/2021	Tiếp tục hằng năm
11.7.	Tiến hành phân tích kết quả phản hồi theo giá trị trung bình trọng số của thang Likert 5 bậc. Một số bảng hỏi cần tiếp tục cải tiến nhằm đáp ứng đầy đủ yêu cầu khảo sát phản hồi và có thể loại bỏ được các phản hồi có độ tin cậy thấp. Các câu hỏi tổng hợp về kỹ năng nên thay bằng các tiêu chí đánh giá các kỹ năng này để làm câu hỏi khảo sát.	Phòng ĐBCL	01/2021 – 06/2021	Theo đợt khảo sát

Trần

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG
TRÊN CƠ SỞ PHẢN HỒI CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN**
Đợt lấy ý kiến 12/2024 - 03/2025

CTĐT ĐH Toàn trường

KT. HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS Nguyễn Ngọc Khánh

**TRƯỞNG PHÒNG
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

TS. Phạm Văn Tuấn

HÀ NỘI 06/2025



MỤC LỤC

1. MỞ ĐẦU.....	3
2. Ý KIẾN PHẢN HỒI TỪ SINH VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG CỦA HỌC PHẦN.....	4
3. Ý KIẾN PHẢN HỒI TỪ SINH VIÊN VỀ THƯ VIỆN, CƠ SỞ VẬT CHẤT, QUY CHẾ - CHÍNH SÁCH XÃ HỘI VÀ CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ, HỖ TRỢ.....	8
4. Ý KIẾN PHẢN HỒI TỪ SINH VIÊN CUỐI KHÓA, VỪA TỐT NGHIỆP	12
5. Ý KIẾN PHẢN HỒI TỪ CỰU SINH VIÊN	16
6. Ý KIẾN PHẢN HỒI TỪ GIẢNG VIÊN VỀ CHIẾN LƯỢC VÀ CHỨC NĂNG CỦA TRƯỜNG.....	18
7. Ý KIẾN PHẢN HỒI TỪ GIẢNG VIÊN VỀ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC	20
8. Ý KIẾN TỪ CÁN BỘ QUẢN LÝ – CHUYÊN VIÊN – NHÂN VIÊN.....	23
9. Ý KIẾN PHẢN HỒI TỪ NHÀ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG.....	24
10. KẾT LUẬN, TÓM TẮT ĐỀ XUẤT CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG.....	26
10.1 Cải tiến chương trình đào tạo và hoạt động giảng dạy.....	26
10.2 Cải thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và hạ tầng công nghệ.....	26
10.3 Cải tiến công tác hỗ trợ người học và thủ tục hành chính.....	27
10.4 Phát triển thư viện và tài nguyên học liệu.....	27
10.5 Cải tiến hoạt động nghiên cứu khoa học và tăng cường hợp tác doanh nghiệp.....	27
10.6 Phát triển đội ngũ, quản trị nhà trường và chiến lược dài hạn	28

1. MỞ ĐẦU

Trường Đại học Mở - Địa chất là trường đại học hàng đầu tại Việt Nam về lĩnh vực đào tạo các ngành học về Khoa học Trái đất, Mỏ, Dầu khí. Nhà trường đã triển khai công tác kiểm định chất lượng 14 CTĐT trong giai đoạn 2019 – 2023, kiểm định trường chu kỳ 2 vào năm 2024. Để nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập, triển khai tốt hơn công tác đảm bảo chất lượng giáo dục, Nhà trường định kỳ tổ chức lấy ý kiến phản hồi của sinh viên/cựu sinh viên, học viên/cựu học viên, giảng viên/cán bộ hỗ trợ và các nhà sử dụng lao động. Nội dung lấy ý kiến khảo sát chi tiết được đưa ra trong các mẫu khảo sát về: Chất lượng học phần; Các hoạt động hỗ trợ học tập, thực hiện quy chế; Các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, hệ thống công nghệ thông tin, tài liệu học tập, chính sách xã hội; Xây dựng chương trình đào tạo và Chất lượng CTĐT; Thông tin việc làm của người học sau khi tốt nghiệp CTĐT của Nhà trường; Phản hồi, đánh giá của nhà tuyển dụng về CTĐT, về cựu sinh viên, cựu học viên, các ý kiến góp ý về xây dựng và cải tiến CTĐT.

Trong giai đoạn 12/2024 – 03/2025 Nhà trường đã triển khai lấy ý kiến phản hồi của: Sinh viên về chất lượng học phần và giảng viên (Phiếu 1; 49.444 phản hồi); Sinh viên về thư viện, CSVC, quy chế-chính sách xã hội và chất lượng phục vụ, hỗ trợ (Phiếu 2; 9.547 phản hồi); Sinh viên cuối khóa/vừa tốt nghiệp (Phiếu 3; 2788 phản hồi); Cựu sinh viên (Phiếu 4; 1.182 phản hồi) Giảng viên về Chiến lược – chức năng (Phiếu 5; 412 phản hồi); Giảng viên Môi trường làm việc (Phiếu 6; 412 phản hồi); Cán bộ quản lý, chuyên viên (Phiếu 7; 252 phản hồi); Nhà sử dụng lao động (Phiếu 8; 475 phản hồi). Tổng số phiếu không hợp lệ do trùng lặp hoặc phản hồi không đúng đối tượng/thời điểm lấy ý kiến là XXXX, chi tiết trong Bảng 1.

Phòng ĐBCLGD đã triển khai công tác xử lý số liệu phản hồi, hoàn thành tổng số 58 báo cáo tổng hợp ý kiến phản hồi của các bên liên quan toàn trường và chi tiết cho các CTĐT trình độ đại học theo các phiếu khảo sát từ Phiếu 1 đến Phiếu 8. Trên cơ sở tổng hợp kết quả phản hồi từ các phiếu khảo sát, Phòng ĐBCLGD thừa lệnh Hiệu trưởng, xây dựng báo cáo đề xuất cải tiến chất lượng, làm cơ sở để các đơn vị trong toàn trường nghiên cứu, tham khảo để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng trong năm học 2025 - 2026 và trong giai đoạn tiếp theo.

Bảng 1: Tổng hợp số lượng ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong đợt lấy ý kiến 12/2024 - 03/2025.

TT	Phiếu khảo sát	Tổng số phiếu	Hợp lệ	Không hợp lệ	Ghi chú
1	Phiếu 1: Phiếu lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên về chất lượng của học phần - Năm học 2023 – 2024: - Năm học 2024 – 2025:	11.486 37.958	46.434	3.010	

TT	Phiếu khảo sát	Tổng số phiếu	Hợp lệ	Không hợp lệ	Ghi chú
					(hợp lệ/không hợp lệ cả 2 năm)
2	Phiếu 2: Phiếu lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên về thư viện, CSVC, quy chế-chính sách xã hội và chất lượng phục vụ, hỗ trợ - Năm học 2023 – 2024 (sinh viên) - Năm học 2024 – 2025 (sinh viên)	876 8.671	9.292	255	(không hợp lệ cả 2 năm)
3	Phiếu 3: Phiếu lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên cuối khóa/vừa tốt nghiệp	2.788	2.454	334	Ngoài thời gian cần lấy ý kiến
4	Phiếu 4: Phiếu lấy ý kiến phản hồi từ cựu sinh viên	1.182	1.079	103	
5	Phiếu 5: Phiếu lấy ý kiến phản hồi từ giảng viên về chiến lược và chức năng của trường	412	412	0	
6	Phiếu 6: Phiếu lấy ý kiến phản hồi từ giảng viên về môi trường làm việc	412	412	0	
7	Phiếu 7: Phiếu lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ quản lý - chuyên viên - nhân viên	252	252	0	
8	Phiếu 8: Phiếu lấy ý kiến phản hồi từ nhà sử dụng lao động về sinh viên đại học tốt nghiệp	475	464	11	

2. Ý KIẾN PHẢN HỒI TỪ SINH VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG CỦA HỌC PHẦN

Khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên về chất lượng học phần được thực hiện với đối tượng sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất.

Tổng số phiếu phản hồi: 49.444

- Năm học 2023 – 2024: 11.486 phiếu
- Năm học 2024 – 2025: 37.958 phiếu

Nhóm các câu hỏi nhận được số điểm đánh giá thấp nhất theo thang 5 tập trung vào các vấn đề như việc giảng viên cung cấp đề cương và giải thích về các yêu cầu của học phần, công tác giảng dạy của giảng viên và hệ thống cơ sở vật chất phục vụ môn học.

TT	Nội dung	Mã câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Điểm trung bình		Đề xuất cải tiến chất lượng
				NH23-24	NH24-25	
1.	I. Về học phần và các nội dung liên quan	Ph1.01c	Giảng viên cung cấp đề cương chi tiết học phần và giải thích rõ ràng về: c) Phương pháp giảng dạy	4.13	4.24	Khuyến khích giảng viên thống nhất và chuẩn hóa cách trình bày phương pháp giảng dạy trong đề cương học phần; lồng ghép mô tả phương pháp giảng dạy ngay trong buổi giới thiệu đầu môn để người học dễ tiếp cận.
2.		Ph1.01e	e) Nội dung thực hành/thí nghiệm/bài tập lớn	4.13	4.25	Xây dựng ngân hàng bài tập lớn và nội dung thực hành đi kèm hướng dẫn cụ thể; tăng cường tính cập nhật, thực tiễn và tính liên kết với chương trình học.
3.		Ph1.01f	f) Hướng dẫn tự học	4.21	4.24	Tăng cường chỉ dẫn rõ ràng trong đề cương và trên lớp về phương pháp tự học, tài liệu tham khảo và tiến độ học tập phù hợp. Khuyến khích giảng viên gợi ý lộ trình tự học qua Google Classroom.
4.		Ph1.04	Nội dung thực hành/thí nghiệm (nếu có) bám sát	4.22	4.25	Đảm bảo sự đồng bộ giữa nội dung thực hành và lý thuyết; tăng cường rà soát, điều chỉnh định kỳ

TT	Nội dung	Mã câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Điểm trung bình		Đề xuất cải tiến chất lượng
				NH23-24	NH24-25	
			đề cương học phần			đề cương học phần để nội dung thực hành cập nhật và sát với mục tiêu đào tạo.
5.	II. Về công tác giảng dạy của giảng viên	Ph1.13	Phương pháp giảng dạy của giảng viên giúp bạn có tư duy phê phán	4.20	4.22	Tổ chức các buổi đào tạo, chia sẻ kinh nghiệm về phương pháp giảng dạy phát triển tư duy phản biện; khuyến khích sử dụng tình huống thực tiễn, tranh biện nhóm và phản hồi mở trong lớp.
6.	IV. Về cơ sở vật chất phục vụ môn học	Ph1.22	Phòng đọc, phòng tự học, tài liệu giáo trình của thư viện đáp ứng tốt nhu cầu của người học	4.22	4.23	Mở rộng không gian tự học, cải thiện ánh sáng, điều hòa và tiếng ồn trong phòng đọc; tăng cường bổ sung giáo trình, tài liệu số và thời gian phục vụ, đặc biệt vào buổi tối và cuối tuần.
7.		Ph1.23	Giảng đường, phòng thí nghiệm, dụng cụ, máy móc trang thiết bị đáp ứng tốt nhu cầu của người học	4.21	4.22	Thực hiện rà soát tình trạng máy móc, thiết bị; ưu tiên đầu tư thay thế thiết bị xuống cấp; bố trí nhân sự hỗ trợ kỹ thuật để xử lý sự cố kịp thời trong giờ học.

TT	Nội dung	Mã câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Điểm trung bình		Đề xuất cải tiến chất lượng
				NH23-24	NH24-25	
8.		Ph1.24.1	Hệ thống mạng Internet, wifi phục vụ tốt nhu cầu học tập của người học	4.17	4.19	Nâng cấp hệ thống wifi, bổ sung bộ phát tại các khu vực có mật độ truy cập cao; thường xuyên kiểm tra và bảo trì kết nối mạng, nhất là trong các đợt thi, học online hoặc thực hành máy.

Ngoài ra một số ý kiến khác cũng đề cập đến các vấn đề cần lưu ý:

Cơ sở vật chất thực hành cho sinh viên khối ngành kỹ thuật còn thiếu thốn, chưa đáp ứng yêu cầu về thực hành/thí nghiệm. Các kiến thức thực tế được giảng viên truyền đạt nhưng không đi kèm thực hành dẫn đến hiệu quả tiếp thu chưa cao.

→ Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ thực hành/thí nghiệm, đặc biệt đối với các ngành kỹ thuật – công nghệ

Thiết bị dạy và học cần được nâng cấp, bao gồm hệ thống điện, ổ cắm tại các giảng đường khu A, B; hệ thống wifi hiện tại còn yếu, ảnh hưởng đến việc học tập của sinh viên, đặc biệt với các ngành yêu cầu công nghệ cao như CNTT.

→ Cải thiện hệ thống điện, ổ cắm, mạng wifi tại các giảng đường khu A, B; bổ sung thiết bị hỗ trợ học tập công nghệ cao.

Công tác phục vụ sinh viên còn hạn chế: một số sinh viên phản ánh việc giải quyết khiếu nại học vụ giữa Phòng Đào tạo và Bộ môn thiếu phối hợp, gây bức xúc khi không được bố trí lịch học nhưng vẫn bị đánh rớt điểm học phần.

→ Rà soát quy trình xử lý học vụ, tăng cường phối hợp giữa các đơn vị liên quan nhằm đảm bảo quyền lợi học tập của sinh viên.

Tăng cường sự quan tâm của giảng viên với sinh viên, đặc biệt là tạo điều kiện giao tiếp, hỗ trợ giải đáp, nhất là với các giảng viên lớn tuổi.

→ Khuyến khích giảng viên tăng cường tương tác, quan tâm hỗ trợ sinh viên, nhất là trong hướng dẫn thực hành và phản hồi kịp thời.

Góp ý về hình thức đánh giá môn học: sinh viên đề xuất có thể áp dụng hình thức thi trắc nghiệm đối với một số học phần để phù hợp hơn với năng lực tiếp nhận và giảm áp lực học tập.

→ Xem xét áp dụng linh hoạt hình thức thi trắc nghiệm, nếu phù hợp với mục tiêu học phần và đặc thù môn học.

3. Ý KIẾN PHẢN HỒI TỪ SINH VIÊN VỀ THƯ VIỆN, CƠ SỞ VẬT CHẤT, QUY CHẾ - CHÍNH SÁCH XÃ HỘI VÀ CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ, HỖ TRỢ

Sinh viên toàn trường đã tham gia đóng góp ý kiến về thư viện, cơ sở vật chất, quy chế - chính sách xã hội và chất lượng phục vụ, hỗ trợ của nhà trường.

Năm học 2023 – 2024: 876 sinh viên

Năm học 2024 – 2025: 8671 sinh viên

STT	Nội dung	Mã câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Điểm TB		Đề xuất cải tiến chất lượng
				NH 23-24	NH 24-25	
1	I.1. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị của Thư viện	Ph2.01	Phòng đọc của Thư viện đáp ứng yêu cầu về diện tích, chỗ ngồi	4.06	4.06	- Mở rộng diện tích, bố trí thêm chỗ ngồi hợp lý, tránh khoảng trống không cần thiết. - Tổ chức sắp xếp giờ cao điểm để điều tiết lượng sinh viên sử dụng phòng đọc.
2		Ph2.03	Hệ thống trang thiết bị của Thư viện đáp ứng yêu cầu	4.08	4.11	Tiến hành kiểm kê định kỳ, thay thế hoặc sửa chữa kịp thời thiết bị hư hỏng; ưu tiên đầu tư thiết bị hiện đại ở phòng đọc chính.
3		Ph2.04	Các trang thiết bị của Thư viện sử dụng có hiệu quả	4.09	4.11	Bổ sung bảng hướng dẫn sử dụng chi tiết, tổ chức tập huấn ngắn cho sinh viên về sử dụng thiết bị thư viện.
4		Ph2.05	Website của Thư viện dễ khai thác.	3.97	4.02	- Nâng cấp giao diện website theo hướng thân thiện, dễ dùng trên điện thoại. - Tích hợp tính năng tìm kiếm nhanh, bộ lọc thông minh (theo tác

STT	Nội dung	Mã câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Điểm TB		Đề xuất cải tiến chất lượng
				NH 23-24	NH 24-25	
5						giả, năm, loại tài liệu...).
		Ph2.06	Các phần mềm tra cứu tài liệu để sử dụng.	4.01	4.04	- Nâng cấp giao diện website theo hướng thân thiện, dễ dùng trên điện thoại. - Tích hợp tính năng tìm kiếm nhanh, bộ lọc thông minh (theo tác giả, năm, loại tài liệu...).
6	I.2. Về các nguồn tài liệu của Thư viện	Ph2.08	Tài liệu học tập tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu	4.02	4.06	- Mua bổ sung, cập nhật kho tài liệu ngoại ngữ phù hợp chương trình đào tạo. - Hợp tác với các thư viện/ nhà xuất bản nước ngoài để có quyền truy cập tài liệu điện tử.
		Ph2.10	Tài liệu tham khảo tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu	4.01	4.07	- Đặt mua thêm sách, giáo trình, tạp chí khoa học bằng tiếng Anh/tiếng nước ngoài, ưu tiên các ngành có nhu cầu lớn (CNTT, Kinh tế, Kỹ thuật...). - Thường xuyên rà soát, loại bỏ tài liệu lỗi thời, thay thế bằng các ấn bản mới.
8	III. Mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học,	Ph2.26	Hệ thống phòng học, giảng đường đáp ứng yêu	4.05	4.10	- Quy hoạch lại lịch học, phân bổ lớp vào phòng có sức chứa phù hợp.

STT	Nội dung	Mã câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Điểm TB		Đề xuất cải tiến chất lượng
				NH 23-24	NH 24-25	
	giảng đường, phòng thực hành, thí nghiệm		câu về số lượng, diện tích, chỗ ngồi			- Xem xét nâng cấp hoặc cải tạo giảng đường có diện tích nhỏ, chỗ ngồi không đảm bảo.
9	IV. Mức độ đáp ứng của hệ thống trang thiết bị tin học	Ph2.31	Hệ thống trang thiết bị tin học (máy tính, thiết bị mạng, kết nối wifi, máy chiếu, máy in...) đủ để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học.	4.00	4.06	- Nâng cấp máy tính cấu hình cao, cập nhật phần mềm bản quyền. - Kiểm tra, bảo trì định kỳ thiết bị mạng, máy chiếu, wifi; thay thế thiết bị lỗi thời.
10		Ph2.32	Hệ thống trang thiết bị tin học (máy tính, phần mềm chuyên dụng có bản quyền...) đủ để hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động nghiên cứu khoa học.	4.05	4.11	- Trang bị thêm máy tính có cấu hình mạnh, đặc biệt ở các phòng phục vụ nghiên cứu chuyên sâu.
11		Ph2.33	Hệ thống trang thiết bị tin học (máy tính, phần mềm quản lý có bản quyền...) đủ để hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động quản lý.	4.05	4.12	- rà soát, cập nhật các phần mềm quản lý đào tạo, quản lý sinh viên, tài chính – công nợ... để giao diện hiện đại, dễ sử dụng, tối ưu trên thiết bị di động. - Tổ chức các buổi hướng dẫn sinh viên,

STT	Nội dung	Mã câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Điểm TB		Đề xuất cải tiến chất lượng
				NH 23-24	NH 24-25	
12						đặc biệt với khóa mới, về cách sử dụng các phần mềm quản lý
		Ph2.34	Hệ thống wifi, internet hoạt động ổn định và đáp ứng nhu cầu công việc.	3.97	4.02	- Bổ sung thêm điểm phát sóng wifi, thay thế thiết bị phát sóng cũ. - Phân luồng băng thông theo từng khu vực, đảm bảo dung lượng cho lượng người truy cập đồng.

Các sinh viên cũng đưa ra các ý kiến khác đáng chú ý, bao gồm:

- Cơ sở vật chất – trang thiết bị: Hạ tầng kỹ thuật Wifi yếu, nhất là khu B → Cần nâng cấp hoặc bổ sung thiết bị phát sóng. Máy chiếu cũ, hay hỏng tại tầng 5 khu D → Đề xuất kiểm tra, thay thế, bảo dưỡng định kỳ; Phòng học tòa B được phản ánh là tối, nhỏ, bí bách. Máy chiếu tòa B gặp khó khăn khi kết nối → Nên có kiểm tra định kỳ, thay mới nếu cần; Sinh viên góp ý “Nhà vệ sinh nữ cần sạch sẽ hơn và có giấy vệ sinh” → Đây là vấn đề thường xuyên, có thể xử lý ngay và định kỳ thông qua công tác giám sát, quản lý dịch vụ vệ sinh.
- Thủ tục hành chính – phối hợp các phòng ban: có phản hồi cho biết sinh viên bị chuyển lòng vòng giữa các phòng ban khi cần giải quyết sự cố, ví dụ: "bị đánh trượt mà không rõ lý do, không được hỗ trợ đến nơi" → Cần rà soát lại quy trình phối hợp giữa các phòng ban, đặc biệt khi sinh viên phản ánh trực tiếp.
- Giao thông – tiện ích nội bộ: không được gửi xe tại lán khu B, dù không sử dụng → Cần xem xét sử dụng lại lán xe khu B để giảm tải cho khu vực khác. Đề xuất lắp thang máy ở khu B (vì một số sinh viên gặp khó khăn di chuyển, có thể liên quan đến người khuyết tật hoặc lớp học ở tầng cao).
- Tổ chức đăng ký học phần: có phản ánh về việc không đăng ký được hai cơ sở trong cùng một buổi, ảnh hưởng đến tiến độ học tập → Cần xem xét điều chỉnh phân bổ lịch học lý hơn.; Nhà trường cần xem xét linh hoạt hơn trong công tác mở lớp, tránh gò bó khung giờ cho những lớp ít người.
- Góp ý đặc biệt – Mở cơ sở tại miền Nam: một sinh viên kiến nghị: "Mong muốn mở cơ sở ở Vũng Tàu để thuận lợi di chuyển, vì sinh viên miền Nam phải đi xa, tốn kém chi phí, ảnh hưởng sức khỏe." → Đây là góp ý có tính chiến lược, phản ánh nhu cầu

mở rộng đào tạo khu vực phía Nam. Dù chưa thể thực hiện ngay, nhà trường nên ghi nhận để nghiên cứu dài hạn.

4. Ý KIẾN PHẢN HỒI TỪ SINH VIÊN CUỐI KHÓA, VỪA TỐT NGHIỆP

Khảo sát được thực hiện với đối tượng là 2788 sinh viên cuối khóa hoặc vừa tốt nghiệp.

Nhiều nội dung có số điểm trung bình thấp, cần lưu ý đặc biệt bao gồm:

STT	Nội dung	Mã câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Điểm TB	Đề xuất cải tiến chất lượng
1	II.2 Thiết kế và rà soát CDR, mục tiêu của CTĐT, đề cương chi tiết học phần	Ph3.06	CDR, mục tiêu CTĐT phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu/triết lý giáo dục của Nhà trường và phù hợp với mong muốn của Anh/Chị	4.33	Tăng cường truyền thông tới sinh viên về triết lý giáo dục, tầm nhìn và sứ mạng của Trường thông qua các lớp sinh hoạt đầu khóa, website và các phương tiện truyền thông nội bộ; tổ chức hội thảo định kỳ về mục tiêu đào tạo để người học hiểu rõ vai trò của chuẩn đầu ra.
2		Ph3.07	CTĐT cân đối giữa kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành	4.35	Tổ chức rà soát CTĐT với sự tham gia của sinh viên, giảng viên và nhà tuyển dụng nhằm điều chỉnh tỷ lệ giữa khối kiến thức đại cương và chuyên ngành theo hướng tăng thực hành, giảm lý thuyết trùng lặp, tăng kiến thức ứng dụng.
3		Ph3.08	Tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành là hợp lý	4.33	Xây dựng các học phần tích hợp lý thuyết với thực hành; tăng thời lượng thực hành tại phòng thí nghiệm,

STT	Nội dung	Mã câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Điểm TB	Đề xuất cải tiến chất lượng
					xưởng thực hành hoặc doanh nghiệp đối với các ngành kỹ thuật, công nghệ.
4		Ph3.10	Đề cương, nội dung học phần được cập nhật thường xuyên	4.35	Quy định chu kỳ cập nhật đề cương chi tiết (ít nhất 2 năm/lần); áp dụng quy trình góp ý đề cương có sự tham gia của sinh viên, cựu sinh viên và doanh nghiệp.
5		Ph3.11	Anh/Chị được tham gia góp ý khi Nhà trường xây dựng, rà soát và điều chỉnh CTĐT	4.31	Thiết lập cơ chế lấy ý kiến sinh viên (khảo sát trực tuyến, hội nghị sinh viên) định kỳ khi điều chỉnh CTĐT; công bố công khai kết quả góp ý và phản hồi tiếp thu.
6	II.3 Chương trình của ngành/chuyên ngành	Ph3.12	Ngành đào tạo có mục tiêu nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu xã hội	4.35	Mở rộng hợp tác với doanh nghiệp để thường xuyên cập nhật nhu cầu thị trường lao động; mời chuyên gia nghề nghiệp tham gia hội đồng tư vấn chương trình đào tạo.
7	Anh/Chị đã được đào tạo	Ph3.14	Các môn học tích hợp được kiến thức và kỹ năng theo chuẩn đầu ra của ngành đào tạo	4.35	Tổ chức rà soát, điều chỉnh đề cương để lồng ghép các kỹ năng nghề nghiệp (kỹ năng mềm, tư duy phản biện, CNTT, ngoại ngữ) vào các học phần chuyên môn; tăng cường đánh

STT	Nội dung	Mã câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Điểm TB	Đề xuất cải tiến chất lượng
					giá năng lực thông qua sản phẩm đầu ra.
8		Ph3.16	Chương trình có nhiều môn học tự chọn đáp ứng nhu cầu người học	4.34	Mở rộng danh mục học phần tự chọn theo định hướng nghề nghiệp cụ thể; cho phép sinh viên đề xuất mở lớp nếu đạt số lượng đăng ký tối thiểu.
9		Ph3.17	Chương trình có các khoá phát triển kỹ năng mềm cho người học	4.33	Tăng cường phối hợp với doanh nghiệp, chuyên gia đào tạo kỹ năng để xây dựng các khóa đào tạo kỹ năng mềm thực tế; công nhận tín chỉ kỹ năng mềm trong CTĐT chính khóa hoặc phụ trợ
10	II.4 Quá trình học tập, nghiên cứu khoa học tại Trường	Ph3.23	Người học được rèn luyện phát triển tư duy phê phán	4.35	Tăng cường ứng dụng các phương pháp giảng dạy tích cực như thảo luận nhóm, phân tích tình huống, phản biện, tranh luận trong lớp học; xây dựng hệ thống câu hỏi mở và tình huống có nhiều cách tiếp cận nhằm kích thích tư duy đa chiều.
11		Ph3.26	Các đợt thực tập “trang bị” thiết thực kinh nghiệm nghề nghiệp cho người học	4.35	Xây dựng kế hoạch thực tập có định hướng nghề nghiệp rõ ràng; mở rộng mạng lưới doanh nghiệp hợp tác tiếp nhận sinh viên; bổ

STT	Nội dung	Mã câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Điểm TB	Đề xuất cải tiến chất lượng
					trí giảng viên hướng dẫn theo sát tiến độ thực tập và kết nối với đơn vị tiếp nhận để đảm bảo nội dung công việc phù hợp ngành học.
12		Ph3.28	Các phương thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập phù hợp với tính chất và đặc thù của từng môn học	4.35	Rà soát lại hình thức kiểm tra – đánh giá để đảm bảo tính đặc thù cho từng loại học phần (lý thuyết, thực hành, dự án...); tăng cường đánh giá quá trình, đánh giá qua sản phẩm và kỹ năng trình bày thay vì chỉ kiểm tra viết.
13		Ph3.30	Kết quả học tập được thông báo kịp thời	4.35	Ứng dụng công nghệ thông tin (LMS, cổng thông tin sinh viên) trong công bố điểm; quy định thời hạn công bố điểm sau mỗi kỳ thi và có cơ chế giám sát, nhắc nhở giảng viên thực hiện đúng hạn.
14		Ph3.33.1	Hàng năm người học được giao lưu trực tiếp với Hiệu trưởng/Trưởng khoa để phản hồi các hoạt động của Nhà trường.	4.33	Thiết lập lịch giao lưu định kỳ mỗi học kỳ; tổ chức các buổi “Đối thoại sinh viên với lãnh đạo khoa/trường” có thông báo trước, tổng hợp câu hỏi, phản ánh, trả lời công khai và lưu trữ trên cổng thông tin nội bộ.

STT	Nội dung	Mã câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Điểm TB	Đề xuất cải tiến chất lượng
15	II.6 Cơ sở vật chất và các hoạt động hỗ trợ	Ph3.39	Trường có các khoá nâng cao năng lực ngoại ngữ ngoài chương trình	4.33	Tổ chức đa dạng hình thức đào tạo (trực tiếp, trực tuyến, lớp luyện thi chứng chỉ); mở rộng hợp tác với các đơn vị đào tạo ngoại ngữ uy tín; có chính sách hỗ trợ lệ phí học/chứng chỉ cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.
16		Ph3.40	Trường có các khoá nâng cao trình độ công nghệ thông tin ngoài chương trình	4.35	Phát triển các lớp kỹ năng CNTT thực hành (thiết kế website, phân tích dữ liệu, xử lý văn bản chuyên nghiệp...) phù hợp với nhu cầu thị trường lao động; lồng ghép chứng chỉ CNTT (MOS, IC3, ICDL...) vào hoạt động hỗ trợ ngoài chương trình.
17		Ph3.41	Các yêu cầu hợp lý của người học được giải quyết kịp thời	4.34	Thiết lập hệ thống phản ánh – kiến nghị trực tuyến có theo dõi tiến độ xử lý; quy định rõ trách nhiệm và thời hạn giải quyết cho từng loại phản ánh; định kỳ công bố thống kê kết quả giải quyết yêu cầu sinh viên.

5. Ý KIẾN PHẢN HỒI TỪ CỰU SINH VIÊN

Cựu sinh viên là một trong số những đối tượng quan trọng giúp đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường. Khảo sát thực hiện với đối tượng 1182 cựu sinh viên tốt nghiệp cử nhân/kỹ sư, từ tháng 12/2024 tới tháng 3/2025

- Tổng số phiếu phản hồi: 1182
- Số phiếu không hợp lệ (trùng lặp, không đúng đối tượng khảo sát, phiếu thông tin không đầy đủ, phiếu trắng...): 103 Phiếu
- Số phiếu hợp lệ: 1079 Phiếu

Một số nội dung có điểm đánh giá trung bình thấp cần xem xét cải tiến:

STT	Nội dung	Mã câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Điểm TB	Đề xuất cải tiến chất lượng
1	II.1 Chiến lược phát triển của Nhà trường	Ph4.04	Nhà sử dụng lao động tham gia vào việc hình thành và phát triển tầm nhìn, sứ mạng, triết lý/mục tiêu giáo dục và giá trị cốt lõi của Nhà trường.	4.15	Ngành học mời các bên liên quan tham gia vào việc hình thành và phát triển tầm nhìn, sứ mạng, triết lý/mục tiêu giáo dục và giá trị cốt lõi của Nhà trường
2	II.2 Thiết kế và rà soát	Ph4.08	Tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành là hợp lý	4,05	Rà soát, điều chỉnh tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành cho hợp lý
3	CĐR, mục tiêu của CTĐT, đề cương chi tiết học phần	Ph4.11.1	Nhà tuyển dụng tham gia góp ý khi nhà trường xây dựng, rà soát và điều chỉnh CTĐT	4.09	Khi có sự rà soát và điều chỉnh CTĐT ngành cần mời thêm các bên liên quan để tham gia góp ý xây dựng.
4	II.3 Ý kiến đóng góp để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của người học và thị trường lao động	Ph4.14	Thời lượng thực tập của sinh viên cần được tăng thêm	4.10	Trường cần xem xét lại việc thực tập của sinh viên theo từng ngành cụ thể.
5		Ph4.16	Thời lượng lý thuyết giảm đi	3.98	Trường cần điều chỉnh lại thời lượng giữa lý thuyết và thực hành, thực tập.
6		Ph4.22	Nhà tuyển dụng lao động tham gia quá trình đào tạo của nhà Trường	4.15	Nhà trường mời các bên liên quan thảo luận về vấn đề có mời nhà tuyển dụng lao động tham gia

STT	Nội dung	Mã câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Điểm TB	Đề xuất cải tiến chất lượng
					tại Trường đào tạo người học.
7	II.4 Thông tin về việc làm của Anh/Chị	Ph4.23.2	Công việc hiện tại có phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ	3,82	Nhà trường cần khảo sát nhu cầu nhân lực và đào tạo theo nhu cầu thị trường. Luôn cải tiến chương trình đào tạo, nâng cao cơ sở vật chất, phòng thực hành, thí nghiệm.
8		Ph4.24	Mức độ hài lòng với công việc hiện tại	3,98	Nhà trường cần khảo sát nhu cầu nhân lực và đào tạo theo nhu cầu thị trường. Luôn cải tiến chương trình đào tạo, nâng cao cơ sở vật chất, phòng thực hành, thí nghiệm.

Ngoài ra, một số cựu sinh viên đóng góp thêm các ý kiến khác nhằm cải thiện chất lượng giáo dục của nhà trường:

- Cải tiến một số quy trình, thủ tục liên quan đến phát bằng, tốt nghiệp,
- Cải thiện không gian học tập cho tốt hơn.
- Đầu tư thêm các thiết bị hiện đại cho phòng thực hành, thí nghiệm.

6. Ý KIẾN PHẢN HỒI TỪ GIẢNG VIÊN VỀ CHIẾN LƯỢC VÀ CHỨC NĂNG CỦA TRƯỜNG

Để đánh giá mức độ nhận thức và sự hài lòng của đội ngũ giảng viên đối với các nội dung liên quan đến chiến lược phát triển và các chức năng cốt lõi của Nhà trường, Trường đã tiến hành khảo sát với giảng viên thông qua phiếu khảo sát tiêu chuẩn.

- Tổng số phiếu phản hồi: 412 phiếu
- Số phiếu không hợp lệ (trùng lặp, không đúng đối tượng khảo sát, phiếu thông tin không đầy đủ, phiếu trắng...): 0 phiếu
- Số phiếu hợp lệ: 412 phiếu

Hiện tại, kết quả khảo sát cho thấy tồn tại một số vấn đề cần lưu ý và cải tiến để cải thiện chất lượng:

STT	Nội dung	Mã câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Điểm trung bình	Đề xuất cải tiến chất lượng
1	II. Chức năng đào tạo: II.1 Thiết kế và rà soát mục tiêu của CTĐT;	Ph5.07	Giảng viên có tham gia góp ý khi cập nhật CTĐT	4.13	Thiết lập cơ chế lấy ý kiến phản hồi thường xuyên, minh bạch trong cập nhật chương trình
2	CĐR, đề cương chi tiết học phần	Ph5.08	Giảng viên được tập huấn về xây dựng CTĐT/học phần	4.01	Tăng cường tổ chức các khóa tập huấn thực chất, định kỳ về thiết kế chương trình đào tạo và học phần
4	IV. Chức năng dịch vụ	Ph5.22	Giảng viên có sản phẩm/sáng kiến/Đề tài NCKH được chuyển giao công nghệ phục vụ cộng đồng	4.08	Tăng cường ứng dụng các sản phẩm NCKH vào thực tiễn, tăng cường hỗ trợ và công nhận hoạt động ngoài giảng dạy
5		Ph5.23	Giảng viên tham gia kết nối doanh nghiệp phục vụ cộng đồng	4.15	Củng cố liên kết giữa giảng viên và doanh nghiệp, tăng cường hoạt động hợp tác chuyên môn – thực tiễn
6		Ph5.24	Giảng viên tham gia các hoạt động tình nguyện phục vụ cộng đồng	4.15	Thiết lập chính sách và khuyến khích giảng viên tham gia các hoạt động tình nguyện

Ngoài các nội dung đánh giá theo thang đo 1-5, giảng viên đã đóng góp một số ý kiến mở phản ánh những khó khăn, đề xuất cải tiến liên quan đến hoạt động của Nhà trường.

- Thủ tục hành chính và tài chính trong nghiên cứu khoa học

Một số giảng viên phản ánh thủ tục thanh toán, quyết toán các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở còn rườm rà, mất nhiều thời gian, thiếu tính linh hoạt và gây khó khăn trong quá trình triển khai. Ngoài ra, công tác hỗ trợ tài chính cho hoạt động nghiên cứu, đặc biệt ở

cấp khoa và bộ môn, còn hạn chế về kinh phí và thiếu sự liên thông, phối hợp giữa các đơn vị chức năng. Điều này làm giảm hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học và ảnh hưởng đến động lực thực hiện đề tài.

- Công tác giảng dạy và lấy ý kiến phản hồi

Một số ý kiến đề nghị Nhà trường cần tăng cường công tác khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về giảng viên, đồng thời trao quyền cho sinh viên được lựa chọn giảng viên phù hợp. Ngoài ra, công tác cập nhật, cải tiến chương trình đào tạo hiện nay tuy đã diễn ra thường xuyên ở cấp bộ môn, nhưng hiệu quả thực tế cần được đánh giá từ các bên liên quan. Việc liên hệ thực tiễn trong nội dung giảng dạy cũng được nhấn mạnh nhằm nâng cao tính ứng dụng của chương trình.

- Chiến lược phát triển và định hướng dài hạn

Giảng viên đề xuất Nhà trường nên cụ thể hóa tầm nhìn, sứ mạng bằng các mục tiêu định lượng rõ ràng (ví dụ: phấn đấu lọt vào TOP 3 các cơ sở có năng lực nghiên cứu mạnh trong lĩnh vực chuyên môn). Bên cạnh đó, cần chú trọng đến việc triển khai sứ mạng và giá trị cốt lõi thông qua các chương trình hành động cụ thể, thống nhất và có hệ thống nhằm khẳng định vị thế của Nhà trường trong hệ thống giáo dục đại học quốc gia.

- Cơ chế khuyến khích đổi mới sáng tạo

Một số ý kiến thể hiện sự chưa hài lòng về việc đổi mới sáng tạo trong giảng dạy chưa được ghi nhận đúng mức. Có trường hợp giảng viên chủ động áp dụng công nghệ (ví dụ: học trực tuyến, thiết lập hệ thống máy chủ nội bộ) để hỗ trợ sinh viên, nhưng không được ghi nhận trong đánh giá thi đua, thậm chí còn gặp phản hồi tiêu cực từ quản lý chuyên môn. Điều này khiến giảng viên e ngại đổi mới, ảnh hưởng đến tinh thần sáng tạo và xây dựng môi trường giáo dục khai phóng thực chất.

7. Ý KIẾN PHẢN HỒI TỪ GIẢNG VIÊN VỀ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

Để đánh giá mức độ hài lòng và nhận thức của giảng viên đối với các điều kiện đảm bảo chất lượng môi trường làm việc, Nhà trường đã tiến hành khảo sát với giảng viên thông qua phiếu khảo sát chuẩn hóa.

- Tổng số phiếu phản hồi: 412 phiếu
- Số phiếu không hợp lệ (trùng lặp, không đúng đối tượng khảo sát, phiếu thông tin không đầy đủ, phiếu trắng...): 0 phiếu
- Số phiếu hợp lệ: 412 phiếu

Các tiêu chí có điểm trung bình thấp nhất, tập trung chủ yếu ở các nhóm: trang thiết bị phục vụ giảng dạy – nghiên cứu, hạ tầng công nghệ thông tin, thư viện, và chế độ tài chính.

STT	Nhóm nội dung	Mã câu hỏi	Câu hỏi	Điểm trung bình	Đề xuất cải tiến
1	I. Chế độ chính sách	Ph6.03	Thu nhập tăng thêm của Thầy/Cô tương xứng với khối lượng và hiệu quả công việc.	3.90	Rà soát và cải thiện chính sách thu nhập tăng thêm theo hiệu quả công việc.
2		Ph6.04	Thầy/Cô hài lòng với mức thưởng trong các dịp lễ, tết hoặc do thành tích cá nhân	3.86	Xem xét điều chỉnh mức thưởng lễ, tết, thành tích đặc biệt để tạo động lực tinh thần cho giảng viên.
3	II. Thư viện	Ph6.13	Các trang thiết bị của Thư viện sử dụng có hiệu quả	3.94	Tăng cường kiểm tra, bảo trì, bổ sung các trang thiết bị phục vụ nghiên cứu và hoạt động dạy-học
4		Ph6.17	Tài liệu học tập bằng tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu	3.85	Phối hợp với các bộ môn giảng dạy để đặt mua tài liệu từ các nguồn uy tín trên thế giới
5		Ph6.18	Tài liệu tham khảo tiếng Việt đáp ứng yêu cầu	3.95	Bổ sung các tài liệu tham khảo, tạp chí chuyên ngành, sách chuyên khảo
6		Ph6.19	Quy định về số lượng tài liệu được mượn là phù hợp.	3.81	Điều chỉnh chính sách mượn tài liệu linh hoạt hơn theo nhu cầu giảng viên.
7		Ph6.22	Tài liệu điện tử của Thư viện đáp ứng nhu cầu sử dụng	3.95	Tăng cường cập nhật các tài liệu số lên hệ thống, mở các buổi tập huấn, đào tạo cách sử dụng phần mềm quản lý tài liệu điện tử
8	III. Về mức độ đáp ứng của hệ	Ph6.31	Thiết bị tại phòng thí nghiệm, thực hành đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH.	3.78	Đầu tư mới hoặc nâng cấp thiết bị phòng thực hành, thí nghiệm.

STT	Nhóm nội dung	Mã câu hỏi	Câu hỏi	Điểm trung bình	Đề xuất cải tiến
9	thống trang thiết bị dạy học	Ph6.32	Trang thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH đảm bảo chất lượng.	3.91	Rà soát, bảo trì định kỳ và thay thế thiết bị lỗi thời.
10	IV. Phòng học, giảng đường,	Ph6.35	Số lượng và diện tích các giảng đường đáp ứng yêu cầu đào tạo.	3.96	Cân đối lại phân bổ phòng học; mở rộng/đầu tư thêm giảng đường nếu cần.
11	thực hành	Ph6.36	Diện tích các phòng thực hành, thí nghiệm đáp ứng yêu cầu đào tạo.	3.89	Mở rộng diện tích hoặc phân ca linh hoạt hơn để tránh quá tải.
13	V. Trang thiết bị tin học	Ph6.41	Trang thiết bị tin học cho NCKH đáp ứng nhu cầu sử dụng của Thầy/Cô.	3.87	Mua sắm máy tính, thiết bị ngoại vi hiện đại hơn cho nghiên cứu chuyên sâu.
14		Ph6.42	Trang thiết bị tin học phục vụ quản lý được trang bị đầy đủ, thuận tiện.	3.96	Mở rộng cấp phép sử dụng phần mềm quản lý có bản quyền, dễ tiếp cận hơn.
15	VI. Hoạt động hỗ trợ	Ph6.45f	Thầy/Cô hài lòng với chất lượng hỗ trợ của: Phòng Kế hoạch tài chính	3.79	Giản lược hóa các thủ tục hành chính trong thanh quyết toán, giải quyết các hồ sơ thanh toán còn tồn đọng

Bên cạnh các câu hỏi trong bảng khảo sát, một số giảng viên nêu lên các vấn đề cần chú ý khác, phần lớn tập trung vào các vấn đề liên quan đến thủ tục hành chính, tài chính và cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy. Một số giảng viên phản ánh rằng quy trình thanh quyết toán các đề tài và nhiệm vụ khoa học còn phức tạp, kéo dài, gây nhiều bất tiện và mất thời gian cho giảng viên, đặc biệt là việc góp ý chỉnh sửa thủ tục nhiều lần, không thống nhất. Ngoài ra, một số ý kiến đề xuất cần nâng cao tính liên thông, phối hợp giữa các phòng ban chức năng, nhằm hỗ trợ hiệu quả hơn cho hoạt động chuyên môn và hành chính của cán bộ giảng viên.

Về cơ sở vật chất, một số giảng viên lớn tuổi nêu lên khó khăn khi phải giảng dạy ở các phòng học tầng cao, đề nghị Nhà trường có chính sách ưu tiên khi bố trí phòng học theo độ tuổi giảng viên, đồng thời đề xuất xây dựng quy chế sử dụng điều hòa giảng đường

để đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả. Ngoài ra, có góp ý phản ánh hệ thống wifi yếu, trang thiết bị tin học cũ kỹ, dẫn đến tình trạng phải sử dụng máy tính cá nhân để giảng dạy trong nhiều năm. Một số giảng viên cũng đề xuất hỗ trợ thêm về phần mềm nghiên cứu khoa học, nhất là các phần mềm chuyên ngành có bản quyền hoặc các nền tảng truy cập tài liệu quốc tế.

8. Ý KIẾN TỪ CÁN BỘ QUẢN LÝ – CHUYÊN VIÊN – NHÂN VIÊN

Khảo sát thực hiện với đối tượng là các cán bộ quản lý – chuyên viên – nhân viên trong nhà trường.

- Tổng số phiếu phản hồi: 252
- Số phiếu không hợp lệ (trùng lặp, không đúng đối tượng khảo sát, phiếu thông tin không đầy đủ, phiếu trắng...): 0/0 Phiếu
- Số phiếu hợp lệ: 252 phiếu

Khảo sát ghi nhận nhiều điểm cần cải thiện về chế độ chính sách, cấp quản lý, môi trường làm việc và các hoạt động hỗ trợ. Qua đó cho thấy cần tăng cường khảo sát, lấy ý kiến các đơn vị trong Trường để nhận thức mức độ đáp ứng công việc và nâng cao năng lực làm việc các đơn vị. Lãnh đạo đơn vị cần được đánh giá từ đơn vị trực tiếp quản lý.

STT	Nhóm nội dung	Mã câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Điểm trung bình	Đề xuất cải tiến chất lượng
1	II. Chế độ chính sách	Ph7.8	Thu nhập tăng thêm phù hợp với năng lực và sự đóng góp trong hoàn thành công việc của Ông/Bà	3.98	Rà soát/ xây dựng vị trí việc làm sao phù hợp với điều kiện thực tế của từng đơn vị
2		Ph7.9	Ông/Bà hài lòng về mức độ khen thưởng trong các dịp lễ, tết hoặc do thành tích cá nhân	4.01	Cần tăng mức chi thưởng cho phù hợp với điều kiện xã hội hiện nay
3	III. Cấp quản lý trực tiếp	Ph7.19	Có lắng nghe thể hiện sự thấu hiểu	4,19	Lãnh đạo đơn vị kết hợp với công đoàn bộ phận cần lắng nghe, chia sẻ và tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của người lao động.

STT	Nhóm nội dung	Mã câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Điểm trung bình	Đề xuất cải tiến chất lượng
4	IV. Môi trường làm việc tại đơn vị	Ph7.22	Nơi làm việc được trang bị đầy đủ trang thiết bị	4.10	Phòng Cơ sở Vật chất thống kê các trang thiết bị cũ, hỏng và có kế hoạch bổ sung nhằm đáp ứng nhu cầu làm việc trong tình hình mới hiện nay
5		Ph7.23	Môi trường làm việc mang tính thử thách, giúp Ông/bà phát triển chuyên môn	4,15	Lãnh đạo đơn vị rà soát lại vị trí việc làm, thay đổi và cải tiến phương thức làm việc.
6	V. Về các hoạt động phục vụ hỗ trợ	Ph7.24c	Phòng Đào tạo Đại học	4,13	Hàng năm, Phòng cần tiến hành rà soát và cải tiến chất lượng khi xây dựng Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục
7		Ph7.24f	Phòng kế hoạch tài chính	3.73	
8		Ph7.24k	Phòng Quan hệ công chúng và Doanh nghiệp	4,18	
9		Ph7.24l	Phòng Xuất bản	4,11	
10		Ph7.25q	Ban thanh tra nhân dân	4,18	
11		Ph7.25r	Văn phòng Đại diện	4,08	

9. Ý KIẾN PHẢN HỒI TỪ NHÀ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

Khảo sát được thực hiện với đối tượng là các nhà sử dụng lao động có nhân viên là sinh viên tốt nghiệp từ Trường Đại học Mở - Địa chất

- Tổng số phiếu phản hồi: 475 phiếu
- Số phiếu không hợp lệ (trùng lặp, không đúng đối tượng khảo sát, phiếu thông tin không đầy đủ, phiếu trắng...): 11 phiếu
- Số phiếu hợp lệ: 464 phiếu

Các nội dung cần được cải tiến tập trung vào kiến thức – kỹ năng, phẩm chất – thái độ - năng lực của sinh viên tốt nghiệp và gợi ý đưa vào chương trình học các học phần bổ trợ kiến thức, trang bị cho sinh viên những kỹ năng thực tế để áp dụng hiệu quả vào thực tế công việc.

STT	Nhóm nội dung	Mã câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Điểm trung bình	Đề xuất cải tiến chất lượng
1	II.3 Mức độ hài lòng về kiến thức, kỹ năng đối với sinh viên tốt nghiệp	Ph8.16	Kỹ năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề	4.17	Phòng Quan hệ công chúng và doanh nghiệp phối hợp với phòng CT CT SV tổ chức các lớp học kỹ năng mềm cho sinh viên;
2		Ph8.17	Kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức	4.19	
3		Ph8.18	Kỹ năng tư duy hệ thống	4.14	
4		Ph8.21	Kỹ năng giao tiếp, sử dụng ngoại ngữ	3.99	Cần phân loại trình độ ngoại ngữ cho sinh viên mới nhập học, Giáo viên chủ nhiệm, Câu lạc bộ ngoại ngữ của các khoa
5		Ph8.22	Kỹ năng quản lý và lãnh đạo	4.08	Phòng Quan hệ công chúng và doanh nghiệp phối hợp với phòng CT CT SV tổ chức các lớp học kỹ năng mềm cho sinh viên;
6	II.4 Mức độ hài lòng về phẩm chất, thái độ, năng lực thực hiện nhiệm vụ đối với sinh viên tốt nghiệp	Ph8.33	Năng lực nhận dạng, tổng hợp và xử lý vấn đề	4.15	
7		Ph8.34	Năng lực sắp xếp công việc theo thứ tự ưu tiên	4.15	
8	II.5 Ý kiến đóng góp cho công tác đào tạo của Nhà trường để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của người học và thị trường lao động	Ph8.39	Thời lượng lý thuyết giảm đi	4.05	Phòng Đào tạo, các khoa, bộ môn định kỳ đánh giá, cải tiến CTĐT nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu của xã hội; tăng cường số lượng tiết về thực hành;
9		Ph8.46a	Bổ trợ kiến thức chuyên môn	4.13	
10		Ph8.46b	Bổ trợ kiến thức nghiệp vụ	4.19	

Bên cạnh các câu hỏi trong khảo sát, các nhà sử dụng lao động cũng góp ý cần nâng cao kỹ năng mềm cho sinh viên, tăng cường cho SV thực hành thực tế, tăng số lượng tiết dạy về thực hành nhằm khuyến khích sinh viên chủ động, mạnh dạn đề xuất hướng nghiên cứu thuộc lĩnh vực chuyên môn đang theo học. Sinh viên ra trường cần nghiên cứu, áp dụng trí tuệ nhân tạo AI để hỗ trợ và bổ trợ cho công việc của mình. Ngoài ra, sinh viên cần nâng cao trình độ ngoại ngữ, khả năng tự học, nghiên cứu để tự tin hơn khi tham gia các dự án nghiên cứu và học hỏi từ các chuyên gia trong ngành.

10. KẾT LUẬN, TÓM TẮT ĐỀ XUẤT CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Dựa trên tổng hợp kết quả khảo sát từ các đối tượng liên quan bao gồm: sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên, cán bộ – nhân viên và nhà sử dụng lao động, Trường Đại học Mở - Địa chất xác định một số nhóm nội dung trọng yếu cần được cải tiến để nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ.

10.1 Cải tiến chương trình đào tạo và hoạt động giảng dạy

Đơn vị phụ trách: Phòng Đào tạo, các Khoa/Bộ môn chuyên môn

- Thực hiện cập nhật đề cương chi tiết học phần định kỳ, có sự tham gia góp ý từ sinh viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng.
- Mở rộng danh mục học phần tự chọn, linh hoạt trong tổ chức lớp theo nhu cầu của người học.
- Rà soát, điều chỉnh tỷ lệ lý thuyết – thực hành; tăng cường tổ chức các học phần tích hợp, tăng thời lượng thực tập có định hướng tại doanh nghiệp.
- Tăng cường ứng dụng các phương pháp giảng dạy tích cực như thảo luận nhóm, phản biện, mô phỏng tình huống thực tế.
- Áp dụng đa dạng hình thức đánh giá phù hợp với tính chất từng học phần (trắc nghiệm, thực hành, sản phẩm...).
- Phát triển kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm và năng lực tự học thông qua các học phần chính khóa và phụ trợ.

10.2 Cải thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và hạ tầng công nghệ

Đơn vị phụ trách: Phòng Cơ sở vật chất, Trung tâm Công nghệ thông tin, Trung tâm Thông tin – Thư viện

- Rà soát, bảo trì và đầu tư nâng cấp hệ thống giảng đường, phòng học, phòng thực hành và thiết bị dạy học.
- Cải thiện hệ thống điện, điều hòa, ánh sáng và trang thiết bị trình chiếu (máy chiếu, loa, màn hình...) tại các khu giảng đường.
- Nâng cấp mạng wifi, bổ sung thiết bị phát sóng tại các khu vực có mật độ sử dụng cao.

- Mua sắm máy tính cấu hình mạnh, phần mềm bản quyền phục vụ đào tạo, nghiên cứu và quản lý.
- Cải tạo nhà vệ sinh, đặc biệt khu vực nữ; đề xuất lắp thang máy tại các tòa nhà cao tầng phục vụ giảng viên và người học.
- Nâng cấp không gian và thiết bị tại thư viện; bổ sung tài liệu tiếng nước ngoài, tài liệu điện tử; cải tiến website thư viện và phần mềm tra cứu.

10.3 Cải tiến công tác hỗ trợ người học và thủ tục hành chính

Đơn vị phụ trách: Phòng Đào tạo Đại học, Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên, Phòng Hành chính - Tổng hợp

- Cải tiến quy trình đăng ký học phần; đảm bảo phân bổ lịch học hợp lý, tránh trùng lịch hoặc quá tải cơ sở.
- Rà soát quy trình xử lý học vụ và phản ánh sinh viên để đảm bảo minh bạch, tránh chuyển tiếp lòng vòng giữa các đơn vị.
- Thiết lập hệ thống phản ánh – kiến nghị trực tuyến, có cơ chế theo dõi tiến độ xử lý và công khai kết quả phản hồi.
- Tăng cường các chính sách hỗ trợ tài chính, học bổng, chứng chỉ cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.
- Tổ chức các khóa học bổ trợ kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp và định hướng việc làm thực tiễn.
- Ghi nhận đề xuất chiến lược về việc mở rộng cơ sở đào tạo tại khu vực phía Nam để nghiên cứu trong kế hoạch phát triển dài hạn.

10.4 Phát triển thư viện và tài nguyên học liệu

Đơn vị phụ trách: Trung tâm Thông tin – Thư viện

- Bổ sung tài liệu học tập, tài liệu tham khảo bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài theo ngành đào tạo.
- Phát triển hệ thống tài nguyên điện tử, mở rộng kho tài liệu số; cập nhật thường xuyên tài liệu mới.
- Cải tiến giao diện và tính năng website thư viện, phần mềm tra cứu tài liệu theo hướng thân thiện với người dùng.
- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn sinh viên và giảng viên khai thác tài nguyên học liệu hiệu quả.

10.5 Cải tiến hoạt động nghiên cứu khoa học và tăng cường hợp tác doanh nghiệp

Đơn vị phụ trách: Phòng Khoa học - Công nghệ, Phòng Quan hệ Công chúng và Doanh nghiệp, Các Khoa

- Cải tiến thủ tục thanh toán, quyết toán đề tài nghiên cứu khoa học theo hướng đơn giản, rõ ràng, giảm thời gian xử lý.

- Bổ sung kinh phí hỗ trợ nghiên cứu khoa học cấp khoa, bộ môn; tạo điều kiện thực hiện các đề tài độc lập.
- Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp: góp ý chương trình, tiếp nhận thực tập, hỗ trợ định hướng nghề nghiệp.
- Ghi nhận và khuyến khích các sản phẩm chuyển giao, sáng kiến phục vụ cộng đồng, các hoạt động tình nguyện.

10.6 Phát triển đội ngũ, quản trị nhà trường và chiến lược dài hạn

Đơn vị phụ trách: Ban Giám hiệu, Phòng Tổ chức - Cán bộ, Hành chính - Tổng hợp, Phòng Kế hoạch - Tài chính

- Cụ thể hóa sứ mạng, tầm nhìn bằng các chỉ tiêu định lượng và kế hoạch hành động cụ thể.
- Tổ chức các đợt tập huấn định kỳ về thiết kế CTĐT, đổi mới phương pháp giảng dạy, kỹ năng quản lý chuyên môn.
- Điều chỉnh chính sách thu nhập tăng thêm, thưởng các dịp lễ/tết phù hợp với mức đóng góp và hiệu quả công việc.
- Tăng cường minh bạch trong đánh giá cán bộ, tạo động lực làm việc; xây dựng quy chế phân công giảng dạy theo độ tuổi, năng lực.
- Thiết lập cơ chế ghi nhận, khuyến khích đổi mới sáng tạo trong giảng dạy và nghiên cứu.

**TRƯỞNG PHÒNG
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**



TS. Phạm Văn Tuấn

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2025
Người lập báo cáo



Đỗ Bảo Anh Phương